TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 7- 2022
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Khai
Ông Lương Anh Tuấn.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về: Ly hôn, nuô con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 và thông báo mở lại phiên toà số: 25/TB-TA ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng V.N - Sinh năm 1986.
Nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Huyền Tr - Sinh năm 1988.
Nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, nguyên đơn anh Phùng V.N trình bày:

Anh Phùng V.N đăng ký kết hôn với chị Trần Thị Huyền Tr trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21 tháng 11 năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ.C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều

lần nhưng không có kết quả. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trần Thị Huyền Tr.

Về con chung: Anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr có 02 con chung:

+ Phùng Ng. H, sinh ngày 30/9/2013.

+ Phùng Thị H.A, sinh ngày 10/10/2018.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh N có đơn đề nghị thay đổi nguyện vọng nuôi con chung, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là Phùng Ng. H và Phùng Thị H.A.

Anh N không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phùng V.N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2022 tại địa phương nơi anh N và chị Tr sinh sống, thì địa phương cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như anh Phùng V.N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương bình thường, không thấy xảy ra mâu thuẫn gì, sau đó 2 vợ chồng đi làm ăn ở Bắc Ninh, thi thoảng mới về địa phương. Nay anh Phùng V.N có đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr có 02 con chung là Phùng Ng. H và Phùng Thị H.A.

Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ nên không cung cấp được thông tin.

Cháu Phùng Ng. H có đơn nguyện vọng ở với mẹ Trần Thị Huyền Tr

Tại phiên toà anh Phùng V.N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn anh Phùng V.N được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Huyền Tr .

+ Về con chung: Có 02 con chung:Phùng Ng. H, sinh ngày 30/9/2013; Phùng Thị H.A, sinh ngày 10/10/2018.

Giao 02 con chung cho anh Phùng V.N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: anh Phùng V.N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị anh Phùng V.N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị Huyền Tr không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày 03/6/2022 chị Trần Thị Huyền Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay 15/7/2022 chị Trần Thị Huyền Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 21/11/2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ.C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần xong không thành. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trần Thị Huyền Tr.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa anh N và chị Tr là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục

theo quy định pháp luật nhưng chị Trần Thị Huyền Tr không hợp tác thể hiện chị Tr không có ý muốn đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Phùng V.N với chị Trần Thị Huyền Tr là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:*

Anh Phùng V.N và chị Trần Thị Huyền Tr có 02 con chung: Phùng Ng. H, sinh ngày 30/9/2013; Phùng Thị H.A, sinh ngày 10/10/2018.

Quá trình giải quyết vụ án anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung Phùng Ng. H, và Phùng Thị H.A

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung. Cháu Phùng Ng. H có đơn nguyện vọng ở với mẹ Trần Thị Huyền Tr. Trong xuất quá trình giải quyết vụ án chị Tr không hợp tác và không có ý kiến gì về con chung. Anh N có công việc ổn định. Do vậy cần giao con chung là 02 con chung Phùng Ng. H, sinh ngày 30/9/2013; Phùng Thị H.A, sinh ngày 10/10/2018. cho anh Phùng V.N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

[4]. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:*

Anh N không đề nghị chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:*

Anh Phùng V.N không đề nghị Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:*

Nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7]. *Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:*

Anh Phùng V.N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Thị Huyền Tr không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phùng V.N được ly hôn với chị Trần Thị Huyền Tr.

2. Về con chung:

Giao con chung Phùng Ng. H, sinh ngày 30/9/2013; Phùng Thị H.A, sinh ngày 10/10/2018, cho anh Phùng V.N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Phùng V.N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001633 ngày 29-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Huyền Tr không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Phùng V.N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Huyền Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A, Điều 7B và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã Ký

- Lưu HS, TA.

Hoàng Kim Sơn